

# CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN CUỐI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1973 - 1975)

PGS, TS TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong chỉ đạo chiến lược, Bộ Thống soái tối cao đã đưa ra những quyết sách quan trọng quyết định thắng lợi: nhạy bén chớp thời cơ, liên tục tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ mới để liên tục thay đổi quyết tâm về thời gian giành thắng lợi hoàn toàn. Bản lĩnh và trí tuệ của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh cùng những nỗ lực phi thường của cả dân tộc, đặc biệt là của lực lượng vũ trang ba thứ quân, đã tạo ra được thời cơ, thúc đẩy cục diện chiến tranh phát triển, đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng.

**Từ khóa:** Chỉ đạo chiến lược; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

## 1. Những chuyển biến mới của tình hình sau Hiệp định Pari

Cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Pari được ký kết (1-1973) đứng trước tình thế mới. Lực lượng vũ trang cách mạng đứng vững trên các địa bàn chiến lược và trong thế xen kẽ với địch. Bộ đội chủ lực gồm 13 sư đoàn tại chỗ, được củng cố, nâng cao sức mạnh chiến đấu, có khả năng tiêu diệt những binh đoàn lớn của quân địch. Bộ đội địa phương và dân quân du kích tiếp tục phát triển về quân số, trang thiết bị. Nhân dân vùng địch chiếm đầy mạnh đấu tranh chống chính sách độc tài, hiếu chiến của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Nhân dân miền Bắc khẩn trương khắc phục hậu quả của chiến tranh, ổn định đời sống, đồng thời chuẩn bị cho công cuộc xây dựng kinh tế sau

chiến tranh; sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Bên cạnh đó, cách mạng miền Nam đối diện với những khó khăn mới: một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hy vọng vào khả năng thi hành Hiệp định Pari, vai trò của Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế, Ủy ban quân sự liên hiệp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ sau những năm tháng chiến tranh ác liệt này sinh tư tưởng muốn nghỉ ngơi, cầu an, cố thủ, ngại khó khăn, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Chi viện quốc tế cho cuộc kháng chiến trong những năm 1973-1975 giảm hơn trước, phải qua con đường tiếp nhận, bảo dưỡng, vận chuyển từ miền Bắc mới đến được các chiến trường.

Đế quốc Mỹ, mặc dù phải chấp nhận rút toàn bộ quân khỏi miền Nam Việt Nam nhưng không

từ bỏ chế độ thực dân mới ở miền Nam. Mỹ cản trở hiệp thương và hoạt động của phái đoàn liên hiệp quân sự, tiếp tục chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, “diễn biến hòa bình” phá cách mạng, phá hoại công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi kinh tế, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam. Mỹ giao toàn bộ các căn cứ quân sự cho quân đội Việt Nam Cộng hòa; để lại 24.000 nhân viên quân sự mang danh nghĩa cố vấn kinh tế, dân sự, hoạt động trong các cơ quan đầu não, các đơn vị quân đội, cảnh sát, tình báo gián điệp của chính quyền Việt Nam Cộng hòa<sup>1</sup>.

Cơ quan Tùy viên quân sự Mỹ ở Việt Nam-DAO (Defence Attache Office) được thành lập<sup>2</sup>, cung cấp viện trợ, yểm trợ quân sự, thu thập tin tức tình báo, tình hình quân sự, chiến sự liên quan đến chương trình viện trợ quân sự, điều khiển các hoạt động quân sự của chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng hòa<sup>3</sup>.

Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa vi phạm nghiêm trọng hàng loạt điều khoản cơ bản của Hiệp định Pari. Ngay trong đêm 27-1-1973 (ngày Hiệp định Pari được ký kết), Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa cho quân chủ lực và xe tăng đánh chiếm cảng Cửa Việt (Quảng Trị), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), cho quân cắm cờ lấn đất ở Tây Quảng Nam, Bắc Bình Định, Bắc Kon Tum, Đắc Cơ (Tây Nguyên), Bắc Dầu Tiếng và Nam Long Mỹ (Chung Thiện)... Từ ngày 28-1-1973 đến ngày 28-3-1973, vi phạm ngừng bắn 67.762 vụ<sup>4</sup>.

Năm 1973, địch mở 325.255 cuộc lấn chiếm, hành quân cảnh sát chiếm lại hầu hết các vùng giải phóng của ta. Năm 1974, địch tiến hành 361.870 cuộc hành quân càn quét, trong đó có 3.175 cuộc lấn chiếm và 8.771 cuộc giải tỏa<sup>5</sup>. Trọng điểm bình định lấn chiếm của địch là đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu các kế hoạch bình định nhằm xóa “thê da báo” ở miền Nam, tiêu diệt các lực lượng vũ trang và lực lượng

chính trị của cách mạng, xóa bỏ hiện trạng hai chính quyền, hai quân đội và ba lực lượng.

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam nhiều lần đề nghị về việc thực hiện Điều 4 của Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam và về các Ban liên hợp quân sự, nhưng chính quyền Việt Nam Cộng hòa khước từ, không thực hiện. Ngày 19-2-1973, Thủ tướng chính quyền Việt Nam Cộng hòa Trần Thiện Khiêm ban hành Công văn nêu rõ nội dung “tuyệt đối không có việc tự động bắt tay giữa các chỉ huy trưởng đơn vị các cấp của ta (chính quyền Việt Nam Cộng hòa-TG) với địch (Quân Giải phóng-TG) để chia khu vực và để cho địch tự do di chuyển”<sup>6</sup>.

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa tăng cường đồn quân, tăng cường cả lực lượng và trang bị cho nghĩa quân và địa phương quân. Đến ngày 15-1-1973, quân số của quân đội là 1.086.926 quân. Đến ngày 15-2-1973, số đào ngũ là 12.595 quân, tổng số quân đội là 1.076.091 quân (được bổ sung 1.760 quân)<sup>7</sup>.

Về phía Mỹ, Tổng thống R.Nixon tỏ thái độ sẵn sàng tiếp tục can thiệp quân sự vào Việt Nam khi tuyên bố: “Hoa Kỳ đã nói rõ với Hà Nội, theo đường lối riêng tư và công khai, là Hoa Kỳ sẽ không dung túng các vi phạm (Hiệp định Pari-TG)”<sup>8</sup>. Mặc dù vậy, Tổng thống R.Nixon và sau đó là Tổng thống G.Ford liên tục yêu cầu Quốc hội chuẩn chi viện trợ quân sự cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Chính phủ Mỹ đứng trước một loạt vấn đề nan giải về chính trị, kinh tế, quân sự, đối ngoại. Quốc hội không cho Chính phủ được quyền tự do hành động chiến tranh như trước. Một bộ phận các Thượng nghị sĩ và nhân dân Mỹ ngày càng quyết liệt phản đối chính sách của chính quyền đối với vấn đề Việt Nam.

Ngày 14 và ngày 15-5-1973, Hạ viện và Thượng viện Mỹ bỏ phiếu yêu cầu Chính phủ

Mỹ chấm dứt mọi hành động quân sự tại Đông Dương và cấm chi bất cứ khoản viện trợ quân sự nào cho Campuchia và Lào. Từ ngày 17-5 đến ngày 7-11-1973, Thượng nghị viện và Hạ nghị viện Mỹ bốn lần bỏ phiếu thông qua đạo luật hạn chế quyền của Tổng thống Mỹ trong việc đưa quân đội Mỹ tham gia các cuộc xung đột quân sự ở nước ngoài.

Từ ngày 17-5-1973, Thượng nghị viện Mỹ công khai điều tra vụ Oatoghét<sup>9</sup>. Trước những căn cứ pháp lý và sai phạm, R.Nixon phải tuyên bố từ chức trước nhiệm kỳ, ngày 9-8-1974.

Ngân sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thiếu hụt do Mỹ giảm viện trợ. Quốc hội Mỹ cắt giảm ngân sách viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa, chỉ còn 701 triệu đô la năm tài khóa 1974-1975 (chưa bằng nửa số viện trợ trong tài khóa 1972-1973)<sup>10</sup>.

## 2. Chỉ đạo chuẩn bị lực lượng, xây dựng kế hoạch, xác định đúng thời cơ, hướng tiến công chiến lược

Tháng 1-1973, Bộ Chính trị thông qua Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, xác định nhiệm vụ các lực lượng vũ trang sau khi ký Hiệp định Paris: “con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là bạo lực, dựa vào lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang, do đó, phải tích cực phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng vững mạnh, nêu cao tinh thần cảnh giác và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu gây lại chiến tranh của địch”<sup>11</sup>.

Ngày 24-5-1973, Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với đại diện các chiến trường đề thảo luận những vấn đề cơ bản của cách mạng miền Nam, giải quyết tư tưởng nghi ngại, hòa hoãn. Hội nghị kết luận nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là *chuẩn bị điều kiện đầy đủ nhất để có thể chủ động đối phó với địch trong mọi tình*

*huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.*

Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (7-1973) của Đảng khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. NQTƯ 21 chỉ rõ: “Con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”<sup>12</sup>.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, từ tháng 4-1973, Bộ Tổng tham mưu thành lập Tổ Trung tâm<sup>13</sup> nghiên cứu, lập kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam. Một trong những nội dung nghiên cứu khó khăn nhất, hóc búa nhất là *chọn hướng tiến công chủ yếu và mục tiêu chủ yếu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy*. Nhiều phương án được đưa ra để tranh luận, tấn công vào Quân khu III, Quân khu I, hay Quân khu II của địch? Có đồng chí nêu ý kiến tấn công ngay vào Sài Gòn-Gia Định-cơ quan đầu não trung ương của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Kết luận rút ra là: “phải chọn đúng hướng địch yếu, sơ hở và rất hiểm yếu, vì không hiểm yếu, có thể địch không ứng cứu, tức không đưa những đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng đến cứu nhau, thoát li công sự thì ta mới có điều kiện tiêu diệt chúng...”<sup>14</sup>. Kế hoạch tác chiến chiến lược được dự thảo 8 lần, báo cáo Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, tranh thủ ý kiến các Tư lệnh chiến trường.

Từ HNTƯ 21 của Đảng đến giữa năm 1974, tình hình chuyển biến mau lẹ. Bộ Chính trị đặt ra và đánh giá, cần nhắc những vấn đề chiến lược: Thời cơ lớn đã xuất hiện chưa? Đã có điều kiện chín muồi cho một cuộc tổng tiến công chưa? Nếu có, tiến công và nổi dậy như thế nào? Phương hướng chiến lược ra sao? Trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược, vấn đề lớn và khó khăn là phải tìm hiểu khả năng can thiệp trở lại

của đế quốc Mỹ và sự can thiệp của các nước khi ta mở cuộc tổng tiến công chiến lược...

Trong lúc đó, sự kiện quân ta tiêu diệt chi khu quân sự Thượng Đức ở Khu V<sup>15</sup> (từ ngày 29-7-1974 đến ngày 7-8-1974), giải phóng quận lỵ Thượng Đức có ý nghĩa quan trọng. Lần đầu tiên một sư đoàn chủ lực của ta cùng quân và dân địa phương đánh bại một sư đoàn dự bị chiến lược của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Cùng với một số thắng lợi trên các chiến trường<sup>16</sup>, trận Thượng Đức cho phép cấp chỉ đạo chiến lược rút ra nhận định: quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn quân chủ lực cơ động của địch. Một hình thái mới bắt đầu xuất hiện: địch không còn khả năng chiếm lại các vị trí đã mất. Đối với cấp chiến lược, nhận định đầy sức thuyết phục này có liên quan rất lớn đến việc hạ quyết tâm chiến lược.

Căn cứ vào tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tổng tham mưu bổ sung kế hoạch chiến lược. Đó là cả một quá trình nắm bắt kịp thời mọi diễn biến chiến trường, trong nước và trên thế giới trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới cuộc chiến tranh; là quá trình bàn bạc, tính toán, cân nhắc, chọn lựa các giải pháp giữa cơ quan chỉ đạo chiến lược với lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường. Sau nhiều cuộc trao đổi, thảo luận, bản dự thảo kế hoạch chiến lược với tên gọi “Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam sau vài ba năm làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam”, mang số 133/TG1, hoàn thành vào ngày 16-5-1974.

**Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước sang giai đoạn “đánh cho nguy nhào”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, trong chỉ đạo chiến lược, đã hết sức nhạy bén, dự báo chính xác diễn biến tình hình, đưa ra quyết tâm chiến lược cao, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi mùa Xuân năm 1975.**

Cũng trong thời gian này, Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy B2 gửi ra Trung ương và Quân ủy Trung ương một kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975 với quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành sự nghiệp cách mạng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Như vậy cả phía trước và phía sau, từ Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đến các chiến trường đã gặp nhau trong quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong vài ba năm. Vấn đề còn lại là phương án hành động tối ưu để giành thắng lợi sớm nhất, ít tổn thất nhất.

Thực hiện đánh đòn quyết định giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đòi hỏi phải giải quyết vấn đề mang tính chiến lược. Nhưng trước hết phải nghiên cứu toàn diện, đánh giá đúng tình hình. Từ đó xác định chính xác thời cơ, lựa chọn phương châm chiến lược, phương thức tiến hành phù hợp.

Các cơ quan chiến lược (Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, cơ quan tình báo chiến lược, nhất là Cục Quân báo, Bộ Quốc phòng) linh hoạt và khôn khéo thu thập được nhiều thông tin quan trọng: nội bộ nước Mỹ mâu thuẫn sâu sắc, phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam ở Mỹ tăng cao, R.Nixon buộc phải từ chức Tổng thống Mỹ. Chính quyền Sài Gòn ngày càng gặp khó khăn về nhiều mặt do Mỹ liên tục cắt giảm viện trợ.

Đánh giá tổng quát tình hình giữa ta và địch, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ ngày 30-9 đến ngày 9-10-1974, thảo luận kỹ về thời cơ chiến lược, khẳng định: “Chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến

dầu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn..."<sup>17</sup>. Hội nghị nhất trí phê duyệt kế hoạch chiến lược cơ bản dự thảo lần thứ bảy do Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị.

Với kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng dày dạn, bộ thống soái tối cao nhận thức sâu sắc: thời gian là lực lượng, nên đã kịp thời chỉ đạo toàn dân và toàn quân phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chuẩn bị mọi mặt cho trận quyết chiến cuối cùng: xây dựng thể trận, phát triển lực lượng; vật chất hậu cần, kỹ thuật; mạng lưới đường cơ động chiến lược, chiến dịch, mở rộng vùng giải phóng... Công tác xây dựng các binh đoàn chủ lực hùng mạnh được tiến hành rất khẩn trương. Song song với việc hình thành và bố trí các quân đoàn trên các địa bàn chiến lược, các sư đoàn, trung đoàn chủ lực cơ động trực thuộc bộ và các quân khu được xây dựng. Yêu cầu bảo đảm hậu cần cho một đội quân hơn 1 triệu người<sup>18</sup> đặt ra hết sức khẩn trương. Khối lượng hàng hóa, vũ khí, đạn dược từ miền Bắc được chuyển vào miền Nam tăng nhanh. Cuối năm 1973 là 140 nghìn tấn hàng, trong đó có 86 nghìn tấn hàng quân sự; năm 1974 là 170 nghìn tấn. Trong hai năm 1973-1974, khoảng 379 nghìn tấn vật chất từ miền Bắc, bằng 54% tổng khối lượng vật chất đưa vào chiến trường trong 16 năm trước đó<sup>19</sup>. Trong hai năm 1973-1974, miền Bắc tuyển thêm 250 nghìn thanh niên vào quân đội. Trong năm 1974, miền Bắc chi viện thêm cho chiến trường 49 nghìn quân<sup>20</sup>. Năm 1975, năm cuối của cuộc kháng chiến, tổng số nhân lực miền Bắc động viên theo nhu cầu quốc phòng chiếm tới 30% lực lượng lao động xã hội ở miền Bắc<sup>21</sup>. Mạng đường chiến lược, chiến dịch và hệ thống kho dự trữ chiến lược được xây dựng tương đối hoàn chỉnh là những yếu tố rất quan trọng làm cho lực lượng cách mạng miền Nam có bước phát triển nhảy vọt.

Ngày 28-10-1974, Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975-1976 trình lên Bộ Chính trị<sup>22</sup>.

Bản dự thảo lần thứ 8 về kế hoạch tổng tiến công được trình ra Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975. Lần cuối cùng, ý chí và trí tuệ của Đảng tập trung cao độ, hạ quyết tâm giành toàn thắng<sup>23</sup>.

Hội nghị đang họp thì nhận được tin đến 19 giờ, ngày 6-1-1975, toàn bộ thị xã Phước Long (một thị xã gần Sài Gòn) được giải phóng. Chiến thắng Phước Long mang ý nghĩa một đòn trình sát chiến lược rất quan trọng<sup>24</sup>. Sự kiện này đánh dấu một bước suy sụp mới của quân đội Việt Nam Cộng hòa<sup>25</sup>. Sự kiện này khẳng định thêm đế quốc Mỹ không có khả năng trở lại can thiệp bằng quân sự ở miền Nam.

Chiến thắng Phước Long là một nhân tố mới rất quan trọng để Hội nghị Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với yêu cầu cao hơn. Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976. Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm, Bộ Chính trị còn dự kiến phương án *nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*.

Ngày 9-1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp để quán triệt và triển khai nghị quyết của Bộ Chính trị, chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu chủ yếu của Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu cho cuộc tiến công chiến lược.

### 3. Chỉ đạo Tổng tiến công chiến lược

Ngày 25-2-1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng, đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng tại chiến trường, ký phê chuẩn quyết tâm chiến đấu và kế hoạch tiến công của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên<sup>26</sup>.

Ngày 4-3-1975, Chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu. 2 giờ sáng ngày 10-3-1975, ta nổ súng tấn công Buôn Ma Thuột. Ngày 11-3-1975, ta làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột. Chiến thuật nghi binh hiệu quả đã khiến địa điểm chiến lược Buôn Ma Thuột bị đánh tan một cách nhanh chóng, toàn bộ hệ thống phòng ngự trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên bị sụp đổ hoàn toàn. Hạ tuần tháng 3-1975, Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Sự thất bại tại Tây Nguyên đã tạo nên một lỗ hổng lớn trong tuyến phòng ngự của địch, tạo nên những đột biến lớn trên chiến trường.

Chiến thắng của trận đột phá này tạo ra thế mới làm xuất hiện thời cơ chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam nhanh hơn, chín muồi hơn, để Đảng bổ sung quyết tâm chiến lược và kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các hướng chiến trường nắm thời cơ, huy động toàn bộ lực lượng dân lên giành thắng lợi quyết định trước mùa mưa năm 1975.

Ngay sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, khi Chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc, ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp, đánh giá sự sụp đổ nhanh hơn dự kiến của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhận định tình hình chuyển biến rất nhanh, Mỹ không dám liều lĩnh, ít khả năng can thiệp trở lại, lực lượng ta tập trung, khí thế mạnh mẽ, Quân ủy Trung ương *đề nghị Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến năm 1976*<sup>27</sup>.

Bộ Chính trị đồng ý “hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm ngay trong năm 1975”, chuyển “Kế hoạch cuộc tiến công chiến lược 1975” thành cuộc “Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975”.

Với quyết tâm đó, cuộc tiến công chiến lược trên thực tế đã chuyển thành cuộc tổng tiến công chiến lược. Trước mắt, nhanh chóng tiến công

tiêu diệt lớn và làm tan rã lực lượng địch ở Vùng I chiến thuật từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, giải phóng Huế-Đà Nẵng, tiếp đó tiến đánh sào huyệt cuối cùng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Để thực hiện quyết tâm trên, Bộ Tổng tư lệnh đã tập trung nghiên cứu xác định hướng tiến công chiến lược, tổ chức nghi binh lừa địch cả về hướng, thời gian và lực lượng; nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, bố trí thế trận và tích cực chỉ đạo hoạt động tác chiến trên các hướng.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp ra lệnh Trung tướng Lê Trọng Tấn gấp rút giải phóng Đà Nẵng trong 3 ngày. Diễn biến trận Đà Nẵng sau đó, quân ta chỉ chuẩn bị trong 3 ngày với lực lượng ít hơn nhưng đã nhanh chóng đánh tan 10 vạn quân địch và giải phóng thành phố lớn thứ 2 miền Nam.

Với đòn tiên công chiến lược thứ hai gói đầu Tây Nguyên bằng các chiến dịch tiến công Trị Thiên, Nam Ngãi và Đà Nẵng<sup>28</sup> diễn ra liên tiếp, ta đã loại ra khỏi vòng chiến đấu một nửa lực lượng địch, giải phóng một vùng rộng lớn từ Quảng Trị đến Khánh Hòa tạo ra đột biến về chiến tranh, làm nên một cục diện mới về chiến tranh, địch càng hoang mang, hoảng loạn thực hiện cuộc rút chạy, hòng giữ Sài Gòn.

Ngay khi giải phóng Đà Nẵng, nắm bắt thời cơ, Hội nghị Bộ Chính trị ngày 25-3-1975 quyết định giải phóng miền Nam *trước mùa mưa năm 1975* và Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31-3-1975 quyết định giải phóng miền Nam *trong tháng 4-1975*. Bộ Chính trị quyết định: “Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm”<sup>29</sup>.

Một lần nữa, tư duy quân sự khoa học của Bộ Tổng soái tối cao đưa đến một quyết định chiến lược dũng cảm và chính xác. Trong tình hình quân

ta đánh mạnh, đẩy dịch vào thế bị động, thất bại, liên tiếp phạm sai lầm về chiến lược và suy sụp nhanh chóng, thế chiến tranh nhân dân của ta mạnh lên toàn diện từng giờ, từng phút, thì thời gian ấn định trong kế hoạch hai năm không còn phù hợp nữa.

Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tấn công quy mô lớn vào Sài Gòn. Bất ngờ không còn ở phương hướng nữa. Vấn đề là thời gian.

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Sài Gòn-Gia Định (sau đổi tên thành Chiến dịch Hồ Chí Minh). Chiến dịch quân sự lớn nhất lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam nhưng lại có thời gian diễn ra nhanh nhất chỉ trong vòng 4 ngày (từ ngày 26 đến ngày 30-4-1975). Trước sức mạnh tấn công vũ bão của 5 cánh quân chủ lực đánh thẳng vào các đô thị, trung tâm đầu não, căn cứ quân sự lớn của địch, cùng sự nổi dậy của nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đập tan bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở địa phương, cơ sở để giành quyền làm chủ, quân lực Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng bị đánh bại. Ngày 1-5-1975, toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long và các hải đảo (trừ Hoàng Sa) được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 21 năm của nhân dân Việt Nam toàn thắng.

Trong chiến tranh, cuộc đọ sức quyết liệt không chỉ diễn ra ở chiến trường, mà còn là cuộc đấu trí diễn ra căng thẳng, từng giờ từng phút ở các cấp lãnh đạo chỉ huy, trước hết là ở cấp chiến lược, bộ tham mưu đầu não của hai bên.

Theo dõi sự phát triển cực kỳ mau lẹ của tình hình địch-ta trên chiến trường, Bộ Tổng soái tối cao đã có những quyết định kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam từ hai đến ba năm lúc đầu sang kế hoạch thời cơ, rút xuống một năm rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa năm 1975, chỉ trong vòng chưa đầy

hai tháng, giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả hợp thành của những nhân tố cơ bản tạo ra và nhân lên sức mạnh tổng hợp to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam, trong đó, đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn giữ vị trí quyết định.

1. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 1-12-1973

2. DAO thay thế cho M.A.C.V (Bộ Chỉ huy Viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam-The US Military Assistance Command, Vietnam)-do thiếu tướng Giôn Murray (John Murray) điều khiển. Biên chế chính thức của DAO có 50 nhân viên quân sự, 1.200 nhân viên dân sự, 5 sĩ quan tùy viên chuyên nghiệp làm việc tại Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn

3. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Hệ thống tổ chức quân sự của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa trong chiến tranh Việt Nam (1965-1975)*, Nxb QĐND, H, 2003, tr. 63

4. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam gửi Bị vong lục đến các bên tham gia Hội nghị Quốc tế về Việt Nam. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 19-4-1973

5. Xem *Lịch sử diễn biến tình hình địch ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Viện Khoa học quân sự, 1977, tr. 151

6. Công văn số 43/PTH/T/BDPT/KH, ngày 19-2-1973, của Thủ tướng chính quyền Sài Gòn Trần Thiện Khiêm, phòng ĐIIICH, hồ sơ số 1229, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

7. Xem "Tổng kết hoạt động quân lực chính quyền Sài Gòn tháng 3-1973 của Bộ Tổng tham mưu quân lực chính quyền Việt Nam Cộng hòa", phòng PTTg, hồ sơ số 17778, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

8. Công văn số 356/NG/1/M, ngày 6-2-1973, của Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn về bản thông điệp về chính sách đối

ngoại của Tổng thống R.Nixon gửi Quốc hội Hoa Kỳ ngày 3-5-1973, phòng ĐIICH, hồ sơ số 1992. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II

9. Vụ cảnh sát Mỹ bắt được 5 người đột nhập đặt máy nghe trộm tại trụ sở Đảng Dân chủ tại khách sạn Oatoghét ở Oasinhton, ngày 17-6-1972, trong thời kỳ tranh cử Tổng thống Mỹ. R.Nixon tìm cách bịt kín cuộc điều tra nên đã thắng cử Tổng thống. Báo chí Mỹ phanh phui vụ này trước công luận. Trước những chứng cứ do các Ủy ban điều tra đặc biệt của Tòa án liên bang và Ủy ban Tư pháp Hạ viện, Ủy ban Điều tra Thượng viện Quốc hội Mỹ, ngày 30-4-1973, Tổng thống R.Nixon phải thừa nhận những trách nhiệm liên quan đến vụ bê bối trước công luận. Xem Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schecter. *Từ tòa Bạch Ốc đến Dinh độc Lập*, Nxb Trẻ, TPHCM, 1990, tr. 210, 258, 259

10. Tài khóa 1972-1973: 1.614 triệu đôla; Tài khóa 1973-1974: 1.026 triệu đôla; Tài khóa 1974-1975: 701 triệu đôla. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb QĐND, H, 1991, tr 261

11. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Quân ủy Trung ương, tháng 1-1973

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 34, tr. 232

13. Tô Trung tâm gồm các đồng chí: Vũ Lăng-Cục trưởng, Võ Quang Hồ, Lê Hữu Đức-Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, đồng chí Lê Trọng Tấn-Phó Tổng tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo

14. Hồi ức của Trung tướng Lê Hữu Đức-nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến-Bộ Tổng tham mưu, thời kỳ Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975

15. Thượng Đức là vị trí án ngữ của ngõ của căn cứ liên hợp Đà Nẵng

16. Nông Sơn, Tiên Phước, Minh Long (Khu V), Tánh Linh (Khu VI), Nha Bích, Tổng Lê Chân (Đông Nam Bộ)

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 35, tr. 185

18. Năm 1973: 1.053.000; năm 1974: 1.033.192; năm 1975: 1.234.954

19. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam 1945-1975*, Nxb QĐND, H, 1997, tr. 178

20. Xem Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia-Viện Sử học: *Lịch sử Việt Nam 1965-1975*, Nxb KHXH, H, 2002, tr. 458

21. Dân số trung bình ở miền Bắc năm 1974 là 23.945.000 người; năm 1975 là 24.547.000 (cả nước là 47.638.000). Xem Tổng cục Thống kê: *Tình hình phát triển kinh tế và văn hóa của miền Bắc xã hội chủ nghĩa 1960-1975*, H, 1977, tr. 41; *Việt Nam-con số và sự kiện 1945-1989*, Nxb ST, H, 1990, tr. 20

22. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Bộ Quốc phòng 1945-2000 (Biên niên sự kiện)*, Nxb QĐND, H, 2003, tr. 453

23. Dự hợp, ngoài các Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường, các Phó Tổng tham mưu trưởng phụ trách tác chiến

24. Lần đầu tiên, một thị xã được hoàn toàn giải phóng. Vùng căn cứ quan trọng của ta ở miền Đông Nam Bộ được mở rộng

25. Đội quân này không còn khả năng giải tỏa với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng bị ta đánh chiếm, ngay cả trên tuyến phòng thủ vành ngoài Sài Gòn-Gia Định

26. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) (Tập VIII: Toàn thắng)*, Nxb CTQG, H, 2008, tr. 230

27. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong Mùa Xuân toàn thắng (Hồi ức-Phạm Chí Nhân thể hiện)*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 223

28. Xem Bộ Quốc phòng-Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tổng kết tác chiến chiến lược trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1954-1975)*, Nxb QĐND, H, 2005, tr. 646

29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 36, tr. 95-96.